

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ K
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 21/4/2022.
“V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình, ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ K, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Ngọc Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Thế Mỹ;

- Ông Nguyễn Thanh Phương.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Bà Võ Thị Kim Thoa, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 268/2021/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2021 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2022 giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1983; địa chỉ: số 273, đường L, tổ 16, khóm L 1, phường V, thành phố K, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Phú A, sinh năm 1985; địa chỉ: số 90, đường Louis Paster, khóm 1, phường P, thành phố K, tỉnh An Giang.

Bà H vắng mặt có yêu cầu xét xử vắng mặt, ông A vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà H và ông A tự tìm hiểu, quen biết, được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới, chung sống vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố K, giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 53, cấp ngày 15/4/2016.

Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, thời gian gần đây vợ chồng thường xuyên xảy ra bất đồng quan điểm sống, trong đời sống vợ chồng ông A không có lo lắng quan tâm, ít khi ở nhà để phụ tiếp công việc gia đình, vợ chồng không còn sống chung (khoảng hơn một tháng nay). Nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với nhau, nên bà H khởi kiện yêu cầu ly hôn ông A.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Phú Q, sinh ngày 27/10/2016. Bà H yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H khai không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Phú A trình bày: Thống nhất với lời khai của bà H về điều kiện đi đến hôn nhân, thời gian chung sống, địa điểm chung sống, thời gian đăng ký kết hôn, về con chung, tài sản chung, nợ chung. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, thời gian sau phát sinh mâu thuẫn là do ông A thường xuyên đi vắng nhà nên ít quan tâm đến vợ con, vợ chồng đã không còn chung sống như lời trình bày của bà H. Mặc dù vợ, chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn nhưng ông vẫn còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn với bà H, không đề cập vấn đề nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung; nợ chung không có.

Tòa án tiến hành hòa giải nhưng các bên không thống nhất nên hòa giải không thành.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử công bố biên bản xác minh khóm L1, phường V và khóm 1, phường P, thành phố K về tình trạng nơi cư trú và xác minh tình trạng hôn nhân của các đương sự.

Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định thẩm quyền thụ lý quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách pháp lý của các đương sự, thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án và lập hồ sơ đúng theo quy định tại các Điều 195, 196, 198 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Xét vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và sống chung với nhau. Tuy nhiên, ông A, bà H thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn hiện không còn sống chung. Ông A thừa nhận có thiếu sót trong việc chăm lo gia đình. Tại phiên hòa giải lần hai ngày 24/02/2022 ông A vắng mặt

không lý do, không tham gia hòa giải thể hiện việc ông không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn. Do đó, việc bà H yêu cầu được ly hôn với ông A là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có một con chung tên Nguyễn Phú Q, sinh ngày 27/10/2016 hiện bà H đang nuôi dạy. Bà H có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dạy con, không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con. Xét Q sống cùng bà H từ nhỏ, để ổn định tâm sinh lý cho con, việc giao con chung cho bà H nuôi dạy là phù hợp quy định pháp luật nên chấp nhận. Công nhận sự tự nguyện của bà H trong việc không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Căn cứ quy định tại các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Nguyên đơn bà H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông A. Ông A cư trú thành phố K, tỉnh An Giang. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố K theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về sự vắng mặt của đương sự*: Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt, nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về nội dung*:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà H và ông A tự tìm hiểu yêu thương và chung sống vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố K, giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 53, cấp ngày 15/4/2016 nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Xét, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và sống cùng nhau. Tuy nhiên, quá trình chung sống vợ, chồng bà H và ông A phát sinh nhiều mâu thuẫn, việc sống chung không còn hòa hợp, ông A mong muốn đoàn tụ nhưng lại không chủ động hàn gắn tình cảm vợ chồng sau khi xảy ra mâu thuẫn, ngược lại về nhà cha mẹ ruột sống, không còn chung sống cùng bà H. Tại biên bản xác minh khóm L 1, phường V và khóm 1, phường P, thành phố K xác định vợ chồng H, A hiện không còn chung sống. Ngoài ra, Tòa án hai lần mở phiên hòa

giải nhưng lần đầu các bên không thống nhất nên hòa giải không thành, lần hai ông A vắng mặt không có lý do, từ đó thấy rằng đời sống vợ chồng của bà H và ông A đã đến mức trầm trọng, không hàn gắn được, nếu có tiếp tục duy trì hôn nhân thì mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, xét chấp nhận yêu cầu của bà H ly hôn với ông A theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Bà H và ông A cùng xác định trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Phú Q, sinh ngày 27/10/2016, hiện đang sống cùng bà H, bà H có yêu cầu nuôi dưỡng, ông A không có ý kiến. Xét thấy, cháu Q đang sống cùng bà H, để tạo điều kiện phát triển tốt nhất cho cháu, Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung tên Nguyễn Phú Q, sinh ngày 27/10/2016 cho bà H nuôi dưỡng, chăm sóc, ông A không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà H cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông A trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[2.3] Về tài sản chung: Bà H và ông A không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[2.4] Về nợ chung: Không có.

[2.5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001822 ngày 09 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố K. Ông Nguyễn Phú A không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Phú A.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị H được nuôi con chung tên Nguyễn Phú Q, sinh ngày 27/10/2016, ông Nguyễn Phú A không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Nguyễn Thị H cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản

trở ông Nguyễn Phú A trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Giấy chứng nhận kết hôn số 53, cấp ngày 15/4/2016 của Ủy ban nhân dân phường P, thành phố K, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001822 ngày 09 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố K. Ông Nguyễn Phú A không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết, bà Nguyễn Thị Hiền và ông Nguyễn Phú A có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. K (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS TP.K (1);
- Các đương sự;
- UBND xã, phường nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lâm Ngọc Phụng